



quán tiān hòu

全天候

adjective · all-weather

Example Sentences

Zhè jiā shāng diàn tí gōng quán tiān hòu fú wù
这家商店提供全天候服务。

This store provides all-weather service.

Quán tiān hòu lún tāi shì hé gè zhǒng lù kuàng
全天候轮胎适合各种路况。

All-weather tires are suitable for various road conditions.

Trace each character, then write the word on your own.

全	全	全	全	全	全	全	全	全		
天	天	天	天	天	天	天				
候	候	候	候	候	候	候	候	候	候	候
候	候									